

Số: 19.../BC-QPN

Tiền Giang, ngày 15 tháng 05 năm 2025

## BÁO CÁO

### **Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2025 phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025**

*Căn cứ theo Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 16/1/2025 của UBND tỉnh Tiền Giang về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;*

*Căn cứ theo Công văn số 411/TT-PCTN&STT ngày 26/4/2025 của Thanh tra tỉnh Tiền Giang về việc báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phục vụ kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 – HĐND tỉnh khóa X;*

*Căn cứ theo Kế hoạch số 03/KH-QPN ngày 21/1/2025 về việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025 của Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang.*

Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang (Quỹ MOM) báo cáo công tác phòng chống tham nhũng (PCTN), tiêu cực 6 tháng đầu năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 (số liệu báo cáo từ ngày 16/12/2024 đến ngày 15/05/2025) như sau:

#### **I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PCTN, TIÊU CỰC**

**1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng (PCTN), tiêu cực trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN, tiêu cực**

*a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN, tiêu cực (văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, ...):*

Trong kỳ báo cáo, Quỹ MOM ban hành Kế hoạch số 01/KH-QPN ngày 20/1/2025 V/v thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025 tại Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang; Kế hoạch số 02/KH-QPN ngày 20/1/2025 về việc thực hiện công tác kiểm soát xung đột lợi ích năm 2025 của Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang; Kế hoạch số 03/KH-QPN ngày 21/1/2025 về việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025 của Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang.

Thực hiện theo chỉ đạo, Trưởng các Phòng/ ban/ bộ phận/ Điểm giao dịch (Đơn vị) tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; nâng cao vai trò, trách nhiệm của toàn thể người lao động (NLĐ), xây dựng văn hóa liêm chính,

tiết kiệm, không tham nhũng, tiêu cực nhất là người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu trong công tác PCTN.

Toàn thể NLD của Quỹ MOM ký xác nhận đã được tuyên truyền, phổ biến các văn bản liên quan và chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật về PCTN. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người của người đứng đầu và NLD đối với công tác PCTN, tiêu cực.

Quỹ MOM còn triển khai Kế hoạch số 09/KH-QPN ngày 18/4/2025 V/v triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 28/3/2025 của Tỉnh ủy tại Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang. Qua đó, Ban điều hành Quỹ MOM yêu cầu Trưởng các Đơn vị hợp triển khai Chỉ thị số 13-CT-TU ngày 28/3/2025 của Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tình hình mới và Công văn số 163-CV/ĐUUBND ngày 09/4/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU ngày 28/3/2025 của Tỉnh ủy.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chiến lược quốc gia PCTN, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực:

Trước đó, Quỹ MOM đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-QPN ngày 05/1/2024 V/v Thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng, tiêu cực của Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang đến năm 2030.

Ban điều hành Quỹ MOM yêu cầu các Đơn vị tổ chức hợp tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 (*Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ*). Bao gồm các nội dung bối cảnh, quan điểm – mục tiêu, các nhóm nhiệm vụ - giải pháp, lộ trình – tổ chức thực hiện.

Ban điều hành Quỹ MOM yêu cầu các bộ phận chuyên môn thường xuyên kiểm tra, rà soát, tham mưu đề xuất Ban lãnh đạo Quỹ MOM xây dựng, sửa đổi, bổ sung, cải tiến, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình, chính sách, v.v... đảm bảo về mức độ đầy đủ, tính thích hợp, hiệu quả, đặc biệt là công tác PCTN, tiêu cực, xung đột lợi ích (XDLI); tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực liên quan quản lý tài chính - kế toán, tài sản công, hoạt động đấu thầu, mua sắm tài sản - hàng hóa - dịch vụ, tổ chức quản lý nhân sự, hoạt động tín dụng – tiết kiệm và các lĩnh vực khác liên quan hoạt động.

Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quá trình ban hành, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các chính sách, chế độ liên quan đến NLD, khách hàng, quản lý tài chính – kế toán, quản lý nhân sự, quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, quy định liên quan quy trình mua sắm tài sản, sửa chữa hàng hóa - dịch vụ... thuộc Quỹ MOM quản lý.

Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN, tiêu cực đến năm 2030 thực hiện theo hai giai đoạn: giai đoạn thứ nhất (từ năm 2023 đến năm 2026); giai đoạn thứ 2 (từ năm 2027 đến năm 2030). Tổng kết việc thực hiện Chiến lược vào đầu năm 2031 và báo cáo UBND tỉnh (thông qua Thanh tra tỉnh).

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: không có thực hiện.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN, tiêu cực; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về PCTN, tiêu cực:

Quỹ MOM đặc biệt quan tâm sâu sát các hành vi tham nhũng thuộc Khu vực ngoài Nhà nước như các hành vi tham ô tài sản; nhận hối lộ; đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc liên quan nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng, xung đột lợi ích.

Quỹ MOM có quyết định kiện toàn tổ kiểm tra phòng chống tham nhũng, xung đột lợi ích (theo Quyết định số 27a/QĐ-QPN ngày 01/03/2024). Qua đó, các nhân sự Phòng Kiểm toán nội bộ (P.KTNB) sẽ kết hợp kiểm tra các hành vi tham nhũng, xung đột lợi ích cùng kế hoạch kiểm toán nội bộ định kỳ hàng tháng, quý, năm.

P.KTNB phụ trách báo cáo công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cho cơ quan chức năng định kỳ hoặc đột xuất (theo yêu cầu).

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về PCTN, tiêu cực: *hình thức tuyên truyền (số cuộc, số lượt người dự) tổ chức hội thảo, tọa đàm; lồng ghép vào các cuộc họp; đưa nội dung PCTN vào chương trình giảng dạy hằng năm tại các cơ sở giáo dục và đào tạo; hình thức khác, tuyên truyền trên sóng phát thanh và truyền hình tỉnh, huyện, xã, bằng tờ rơi, ...:*

Trong cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng, Giám đốc Quỹ MOM thường xuyên nhắc nhở Trưởng các Đơn vị chú trọng, quan tâm công tác PCTN, tiêu cực trong các hoạt động phụ trách.

Các văn bản được ban hành được gửi đến đến người lao động có liên quan qua các cuộc họp của Đơn vị hoặc thông qua hệ thống mail nội bộ ([tennhanvien@mom.com.vn](mailto:tennhanvien@mom.com.vn)); phần mềm quản lý văn bản (<http://u.mom.com.vn/>). Quỹ MOM triển khai các báo cáo PCTN, tiêu cực trên website [mom.com.vn](http://mom.com.vn) (<https://mom.com.vn/2021/11/van-ban-pctn/>).

Quỹ MOM còn tổ chức tập huấn cho NLD thông qua các buổi tập huấn chuyên môn có lồng ghép các nội dung tìm hiểu các quy định về PCTN, tiêu cực.

e) Kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN, tiêu cực (*số cuộc thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm qua thanh tra*): không có.

## **2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động (*văn bản triển khai thực hiện, kiểm tra; số cuộc, số cơ quan kiểm tra, kết quả kiểm tra thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị*):

*7*

Quỹ MOM thực hiện đồng bộ các nguyên tắc cơ bản về công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động; thực hiện việc kiểm soát xung đột lợi ích và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu.

Quỹ MOM có lịch họp giao ban định kỳ hàng tháng đồng thời công khai các kế hoạch, kết quả hoạt động, triển khai hành động dự kiến phù hợp cho các Đơn vị liên quan nắm chương trình phối hợp. Để chuẩn bị cho các chương trình, kế hoạch quan trọng thì Ban điều hành Quỹ thường yêu cầu toàn thể NLD góp ý các nội dung liên quan, thể hiện tinh thần dân chủ minh bạch trong tổ chức hoạt động.

Quỹ MOM thực hiện các văn bản công khai trên phần mềm quản lý văn bản (<http://u.mom.com.vn/>), qua đó NLD có thể truy cập văn bản ban hành. Quỹ MOM còn công khai thông tin qua website Quỹ (<https://mom.com.vn/>). Quỹ MOM còn tiếp nhận thông tin phản hồi qua Website Quỹ (<https://mom.com.vn/lien-he/>); trang Facebook Quỹ MOM (<http://www.facebook.com/momtiengiang>).

Trong kỳ báo cáo, Quỹ MOM công khai, phổ biến nội dung thỏa ước lao động tập thể năm 2025, gồm 8 chương 26 điều.

b) Kết quả xây dựng, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ (*văn bản chỉ đạo triển khai, thanh tra, kiểm tra (nội bộ) thực hiện ĐM, CD, TC; số cuộc thanh tra, kiểm tra, số đơn vị thanh tra, kiểm tra, kết quả thanh tra, kiểm tra thực hiện ĐM, CD, TC*):

Trong kỳ báo cáo, Quỹ MOM ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 (theo Quyết định số 10/QĐ-QPN ngày 11/3/2025 V/v ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025).

P.KTNB kiểm tra nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ cùng kế hoạch kiểm toán nội bộ định kỳ hàng tháng, quý, năm. Trong kỳ báo cáo, P.KTNB đã kiểm toán định mức chi tiêu nội bộ của Quý 4/2024 và Quý 1/2025 tại 6 Điểm giao dịch trực thuộc.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử người có chức vụ, quyền hạn (công tác triển khai, kết quả thực hiện):

Trưởng các Đơn vị không để xảy ra tình trạng trì trệ, thiếu công khai, minh bạch, tiêu cực trong giải quyết chế độ cho NLD, quyền lợi của đối tác, thủ tục vay vốn cho khách hàng và chịu trách nhiệm nếu có NLD thuộc quyền quản lý có hành vi những nhiễu, tắc trách, gây phiền hà cho đối tác và khách hàng. Nâng cao trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Ban giám đốc, các Đơn vị và toàn thể NLD.

NLD Quỹ MOM luôn tuân thủ mọi quy định, quy trình nghiệp vụ đã ban hành; thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định về kiểm soát XDLI, quy định về trách nhiệm, xử lý trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn (*văn bản chỉ đạo triển khai; ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; kết quả thực hiện chuyển đổi*):

Do nhu cầu công việc thiếu nhân sự (NLD nghỉ thai sản) nên trong kỳ báo cáo, Quỹ MOM có Kế hoạch số 04/KH-QPN ngày 14/1/2025 V/v điều động nhân

sự giữa các Phòng/ ban / Điểm giao dịch tháng 01 năm 2025 và Kế hoạch số 07/KH-QPN ngày 21/3/2025 V/v điều động nhân sự giữa các Phòng/ ban / Điểm giao dịch tháng 03 năm 2025.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt:

Trong kỳ báo cáo, Quỹ MOM chưa có điều chỉnh, bổ sung khác liên quan cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn (*văn bản chỉ đạo triển khai; ban hành kế hoạch kiểm soát tài sản, thu nhập; kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập*):

Hiện tại, Quỹ MOM là Tổ chức khu vực ngoài Nhà nước nên chưa thực hiện hồ sơ kê khai thu nhập người có chức vụ, quyền hạn theo Điều 34 của Luật Phòng chống tham nhũng (Luật số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018) và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

### **3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

Quỹ MOM kiểm tra công tác PCTN, tiêu cực lồng ghép chung kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng tháng (theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng quý, năm đã được phê duyệt).

Trong kỳ báo cáo, Quỹ MOM không có trường hợp vi phạm về PCTN, tiêu cực, lãng phí; cũng như chưa nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo tham nhũng của các đơn vị, doanh nghiệp và khách hàng có liên quan đến NLĐ.

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: không ghi nhận vi phạm.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán;
- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán (Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...);

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: không ghi nhận vi phạm.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có)

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được;

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:
  - + Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính;
  - + Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp.
- f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu
  - Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu;
  - Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác;
  - Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng.
- g) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong ngành Thanh tra
  - Số vụ việc, số đối tượng tham nhũng phát hiện trong kỳ báo cáo;
  - Kết quả xử lý tham nhũng (hình sự, hành chính).

#### **4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức Khu vực ngoài Nhà nước (Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và Sở Nội vụ báo nội dung này)**

##### **5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN, tiêu cực**

- a) Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong PCTN, tiêu cực: không có thực hiện.
- b) Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong PCTN, tiêu cực
- c) Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng: không có thực hiện.

##### **6. Hợp tác quốc tế về PCTN**

- a) Việc thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng: không có thực hiện.
- b) Kết quả thực hiện các hoạt động về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong PCTN và các hoạt động hợp tác quốc tế khác về PCTN (nếu có)

## **II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG**

### **1. Đánh giá tình hình**

- a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương và nguyên nhân: không có thực hiện.
- b) So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước:  
Trong kỳ báo cáo, Quỹ MOM không ghi nhận trường hợp tham nhũng.

### **2. Dự báo tình hình tham nhũng**

- a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...)  
Quỹ MOM đánh giá và dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới có thể xảy ra tình vi, phức tạp hơn. Do đó, Quỹ MOM xác định phòng ngừa, tuyên

truyền các biện pháp PCTN, kiểm soát các hành vi xảy ra XDLI. Đồng thời, Quỹ MOM đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn ngừa hành vi tham nhũng.

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng

Quỹ MOM tập trung nhiều vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, xung đột lợi ích liên quan hoạt động tuyển dụng, mua sắm hàng hóa – dịch vụ, khoản chi phí giao tế, hoạt động tín dụng – tiết kiệm tại cơ sở...

### **III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN, TIÊU CỰC**

#### **1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN, tiêu cực trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương**

Quỹ MOM thực hiện các báo cáo đầy đủ khi nhận được Công văn yêu cầu cũng như thực hiện các báo cáo định kỳ đúng hạn.

Quỹ MOM có chương trình đào tạo, tập huấn hàng năm nhằm nhắc nhở NLD thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, văn hóa của tổ chức, phòng chống tham nhũng, xung đột lợi ích... Nâng cao tính chủ động phối hợp giữa các Đơn vị thực hiện công việc một cách tiết kiệm, tránh lãng phí, an toàn, hiệu quả.

Quỹ MOM đặt trọng tâm ưu tiên “phòng ngừa” tham nhũng, tuyên truyền hạn chế tuyệt đối xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, xung đột lợi ích.

#### **2. So sánh hiệu quả công tác PCTN, tiêu cực kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước**

Quỹ MOM tuyên truyền các quy định PCTN, tiêu cực thường xuyên; yêu cầu Trưởng các Đơn vị thực hiện báo cáo PCTN, tiêu cực định kỳ giúp toàn thể NLD nhận thức sâu sắc hơn trong lĩnh vực PCTN, tiêu cực; không vi phạm các hành vi dẫn đến tham nhũng, tiêu cực cũng như các dấu hiệu dễ dẫn đến XDLI.

#### **3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN, tiêu cực**

Quỹ MOM thực hiện kiểm tra, rà soát các hành vi tham nhũng, dấu hiệu xảy ra xung đột lợi ích cùng kế hoạch chương trình lịch kiểm toán nội bộ hàng năm, chi tiết thực hiện hàng tuần, hàng tháng và báo cáo theo quý kết quả kiểm toán.

Quỹ MOM chủ động rà soát thực hiện đầy đủ các báo cáo PCTN, tiêu cực theo các công văn hướng dẫn và theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ MOM thực hiện 05 báo cáo định kỳ hàng tháng từ tháng 01-05/2025; 03 kế hoạch thực hiện công tác PCTN, XDLI, tuyên truyền giáo dục pháp luật về PCTN, lãng phí, tiêu cực trong năm 2025; 01 kế hoạch thực hiện chỉ thị số 13/CT-TU ngày 28/3/2025 của Tỉnh ủy; Báo cáo tình hình trong dịp Tết Nguyên đán năm 2025; Báo cáo công tác PCTN, tiêu cực Quý 1/2025 theo Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 16/1/2025 của UBND tỉnh; Báo cáo Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phục vụ xây dựng báo cáo định kỳ của Ban cán sự Đảng Chính phủ Quý 1/2025; Báo cáo công tác PCTN, tiêu cực Quý 1/2025 theo Thông tư 01/2024/TT-TTCTP ngày 20/1/2024 của Thanh tra Chính phủ.

#### **4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN, tiêu cực**

Hiện trạng, công tác kiểm tra PCTN, tiêu cực tại Quỹ MOM cần được sắp xếp toàn diện, chuyên sâu hơn; một số điểm cần xem xét cải tiến:

+ Bộ phận đảm nhiệm kiểm tra, kiểm soát, báo cáo công tác PCTN, tiêu cực hiện đang phụ trách công tác chính kiểm toán nội bộ tại Quỹ.

+ Hiện tại, phòng Kiểm toán nội bộ chỉ có 02 Nhân sự phụ trách. Ban Điều hành đang đề nghị HĐQT kiện toàn, bổ sung nhân sự P.KTNB và Tổ kiểm tra PCTN & XĐLI.

+ Bộ phận đảm nhiệm chưa có điều kiện tham gia tập huấn chuyên môn PCTN, tiêu cực do cơ quan chuyên trách chủ trì tập huấn.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

##### **1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp**

a) Phương hướng chung trong thời gian tới

Quỹ MOM tiếp tục thực hiện nghiêm Kế hoạch số 01/KH-QPN ngày 20/1/2025 V/v thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025 tại Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang; Kế hoạch số 02/KH-QPN ngày 20/1/2025 về việc thực hiện công tác kiểm soát xung đột lợi ích năm 2025 của Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang; Kế hoạch số 03/KH-QPN ngày 21/1/2025 về việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025 của Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang.

Quỹ MOM đã có kế hoạch ngày 28/5/2025 tổ chức tập huấn nội bộ chủ đề liên quan phòng chống tham nhũng và xung đột lợi ích năm 2025 cho NLĐ. Ngoài ra, Quỹ MOM dự kiến ngày 03/6/2025 tham gia tập huấn PCTN của nhà tài trợ (thuộc Dự án tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu tại Tiền Giang giai đoạn 2023-2027 tại Quỹ MOM).

Quỹ MOM rà soát các quy định của pháp luật và điều chỉnh quy định về PCTN, XĐLI (nếu có); quy định liên quan trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong công tác PCTN, tiêu cực (nếu có).

b) Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện

Quỹ MOM tiếp tục rà soát, chấn chỉnh, nâng cao biện pháp phòng ngừa tham nhũng, thực hành tiết kiệm, công khai, minh bạch trong hoạt động, có kế hoạch thực hiện giải pháp luân chuyển vị trí công tác theo yêu cầu công việc.

Quỹ MOM tiếp tục thực hiện kế hoạch PCTN, tiêu cực; kiểm soát XĐLI; tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật liên quan PCTN, tiêu cực; rà soát các quy định liên quan kiểm soát XĐLI, trách nhiệm của người đứng đầu/cấp phó của người đứng đầu trong công tác PCTN, tiêu cực.

c) Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

Quỹ MOM quan tâm, sâu sát, tăng cường kiểm tra, kiểm soát các hoạt động rủi ro xảy ra tham nhũng, tiêu cực, dấu hiệu xung đột lợi ích.

## **2. Kiến nghị, đề xuất**

a) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách pháp luật về PCTN, tiêu cực: không có.

b) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN, tiêu cực: không có.

c) Đề xuất cơ quan có thẩm quyền áp dụng các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh PCTN, tiêu cực, khắc phục những khó khăn, vướng mắc: không có.

d) Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất

Quỹ MOM đề xuất Thanh tra tỉnh có thể mở các lớp tập huấn về nghiệp vụ thanh tra PCTN, lãng phí, tiêu cực; hướng dẫn công tác đánh giá PCTN hàng năm cho cán bộ, NLĐ làm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị để có điều kiện trao đổi nghiệp vụ, cập nhật thêm kiến thức, những thông tin bổ ích để hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn.

Trên đây là Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 (số liệu báo cáo từ ngày 16/12/2024 đến ngày 15/05/2025) trong lĩnh vực hoạt động của Quỹ MOM. Quỹ MOM kính báo cáo Thanh tra tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ MOM để biết và chỉ đạo thực hiện.

### **Nơi nhận:**

- Thanh tra tỉnh (để báo cáo);
- HĐQT (để báo cáo);
- Lưu: VT



**Trần Thị Thanh Thụy**

Biểu số: 01/PCTN

# **TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC**

Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 15/05/2025

(Kèm theo Báo cáo số: 19/ngày 15 tháng 05 năm 2025  
của Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang)

| MS  | NỘI DUNG                                                                                                        | ĐVT        | SỐ LIỆU |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
|     | <b>CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN<br/>CÔNG TÁC PCTN, TIÊU CỰC</b>                                         |            |         |
| 1   | Số văn bản ban hành mới để thực hiện công tác PCTN, tiêu cực, trong đó:                                         | Văn bản    |         |
| 1.1 | Văn bản quy phạm pháp luật                                                                                      | Văn bản    |         |
| 1.2 | Chương trình, kế hoạch                                                                                          | Văn bản    | 4       |
| 1.3 | Văn bản khác                                                                                                    | Văn bản    |         |
| 2   | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành                       | Văn bản    |         |
| 2.1 | Văn bản quy phạm pháp luật                                                                                      | Văn bản    |         |
| 2.2 | Chương trình, kế hoạch                                                                                          | Văn bản    |         |
| 2.3 | Văn bản khác                                                                                                    | Văn bản    |         |
| 3   | Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện công tác PCTN, tiêu cực                                                     | Văn bản    |         |
|     | <b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP<br/>LUẬT VỀ PCTNTC</b>                                                 |            |         |
| 4   | Số cuộc tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức, trong đó:         | Cuộc       |         |
| 4.1 | Số cuộc tuyên truyền, quán triệt cho CBCCVC                                                                     | Cuộc       |         |
| 4.2 | Số cuộc tuyên truyền, quán triệt cho người dân                                                                  | Cuộc       |         |
| 5   | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC, trong | Lượt người |         |

| MS   | NỘI DUNG                                                                                 | ĐVT        | SỐ LIỆU |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
|      | đó:                                                                                      |            |         |
| 5.1  | Số lượt CBCCVC tham gia                                                                  | Lượt người |         |
| 5.2  | Số lượt người dân tham gia                                                               | Lượt người |         |
| 6    | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được xuất bản | Tài liệu   |         |
|      | <b>THANH TRA, KIỂM TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC</b>                     |            |         |
| 7    | Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC                         | Cuộc       |         |
| 8    | Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC đã ban hành kết luận         | Cuộc       |         |
| 9    | Số đơn vị được thanh tra                                                                 | Đơn vị     |         |
| 10   | Tổng số cuộc kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC                          | Cuộc       |         |
| 11   | Số đơn vị được kiểm tra                                                                  | Đơn vị     |         |
| 12   | <b>Kiểm nghị xử lý hành chính (kỷ luật)</b>                                              |            |         |
| 12.1 | + Tập thể                                                                                | tập thể    |         |
| 12.2 | + Cá nhân                                                                                | người      |         |
| 13   | <b>Kiểm nghị xử lý hình sự</b>                                                           |            |         |
| 13.1 | + Số vụ                                                                                  | vụ         |         |
| 13.2 | + Số đối tượng                                                                           | Đối tượng  |         |
|      | <b>PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>                              |            |         |
|      | <b>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</b>                    |            |         |

| MS | NỘI DUNG                                                                                                                                                             | ĐVT        | SỐ LIỆU                                    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------|
| 14 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động                                                | CQ, TC, ĐV |                                            |
| 15 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động                                                         | CQ, TC, ĐV |                                            |
|    | <b><i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i></b>                                                                                                     |            |                                            |
| 16 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới                                                                                                      | Văn bản    | 1                                          |
| 17 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ                                                                                          | Văn bản    | 1                                          |
| 18 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra (nội bộ) việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ                                                                     | Cuộc       | 12 (KTNB Quý 4/2024; Quý 1/2025 tại 6 ĐGD) |
| 19 | Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ                                                                                                           | Vụ         |                                            |
| 20 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ                                                                                                        | Người      |                                            |
| 21 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính                                                                                 | Người      |                                            |
| 22 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự                                                                                    | Người      |                                            |
| 23 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |                                            |
| 24 | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường                                                                                      | Triệu đồng |                                            |
|    | <b><i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i></b>                                                                                               |            |                                            |
| 25 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn                                                           | CQ, TC, ĐV |                                            |

| MS   | NỘI DUNG                                                                                                         | ĐVT          | SỐ LIỆU |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------|
| 25.1 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn                                   | Cuộc         |         |
| 26   | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý                  | Người        |         |
| 27   | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị                                                                          | Người        |         |
| 28   | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)          | Triệu đồng   |         |
| 29   | Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích                                                              | Người        |         |
| 30   | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ | Người        |         |
|      | <b><i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i></b>                                         |              |         |
| 31   | Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng             | Người        |         |
| 32   | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng                       | Người        |         |
|      | <b><i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i></b>   |              |         |
| 33   | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị                                       | Thủ tục      |         |
| 34   | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị                       | Thủ tục      |         |
| 35   | Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên                            | Lượt thủ tục |         |
| 36   | Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt                                        | Cuộc         |         |
| 37   | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt                                      | Vụ           |         |

| MS   | NỘI DUNG                                                                                                                     | ĐVT        | SỐ LIỆU |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
|      | <i>Thực hiện kiểm tra công tác chuyên môn của cán bộ, công chức (theo Điều 55, 56 của Luật PCTN)</i>                         |            |         |
| 38   | Số cuộc kiểm tra hoạt động công vụ (chuyên môn, nghiệp vụ)                                                                   | Cuộc       |         |
| 39   | Số người vi phạm trong hoạt động công vụ (chuyên môn, nghiệp vụ)                                                             | Người      |         |
|      | <i>Xử lý vi phạm</i>                                                                                                         |            |         |
| 39.1 | Xử lý hành chính (kỷ luật)                                                                                                   | Người      |         |
| 39.2 | Xử lý hình sự (bị khởi tố)                                                                                                   | Người      |         |
|      | <i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>                                 |            |         |
| 40   | Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ                                                                     | Người      |         |
| 41   | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập                                                                        | Người      |         |
| 42   | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQ, TC, ĐV |         |
| 43   | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập                                                       | Người      |         |
| 43.1 | <i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>                                                     | Người      |         |
| 43.2 | <i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>                                                 | Người      |         |
|      | <b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>                                                       |            |         |
| 44   | Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo                                                                   | Vụ         |         |
| 45   | Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo                                                      | Người      |         |

| MS | NỘI DUNG                                                                                                                                                                | ĐVT   | SỐ LIỆU |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------|
|    | <b><i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i></b>                                                                                         |       |         |
| 46 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước ( <b>Điều 55</b> )                                                                | Vụ    |         |
| 47 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước                                                                    | Người |         |
| 48 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra ( <b>kiểm tra nội bộ theo Điều 56</b> )                                                                        | Vụ    |         |
| 49 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra                                                                                              | Người |         |
| 50 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực                                    | Vụ    |         |
|    | - Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra                                                              | vụ    |         |
| 51 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực                  | Người |         |
|    | - Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra                                            | người |         |
|    | <b><i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i></b>                                                                                                              |       |         |
| 52 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử                   | Vụ    |         |
| 53 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Người |         |
| 54 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra                                                                                                           | Vụ    |         |

| MS | NỘI DUNG                                                                                                        | ĐVT     | SỐ LIỆU |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|
| 55 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra                                       | Người   |         |
| 56 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát cộng đồng                                          | Vụ      |         |
| 57 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát cộng đồng                        | Người   |         |
|    | <b><i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i></b>                                               |         |         |
| 58 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng                                                           | Vụ việc |         |
| 59 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét                                           | Vụ việc |         |
| 60 | Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng                   | Vụ      |         |
| 61 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | người   |         |
|    | <b><i>Qua công tác giải quyết khiếu nại tố cáo</i></b>                                                          |         |         |
| 62 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo                                          | Vụ      |         |
| 63 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo                                   | Người   |         |
|    | <b><i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i></b>                                   |         |         |
| 64 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác                                                    | Vụ      |         |
| 65 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác                                             | Người   |         |
|    | <b><i>Qua điều tra tội phạm</i></b>                                                                             |         |         |
| 66 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ                                                          | Vụ      |         |

| MS   | NỘI DUNG                                                                                                                                                                   | ĐVT   | SỐ LIỆU |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------|
|      | quan chức năng khởi tố                                                                                                                                                     |       |         |
| 67   | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố                                                                                            | Người |         |
|      | <b>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</b>                                                                                                              |       |         |
| 68   | Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo                                                                                  | Người |         |
| 69   | Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù                                                                                                                              | Người |         |
| 70   | Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo                                                                                                                    | Người |         |
| 71   | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng                                                                                                                    | Người |         |
|      | <b>XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG</b>                                                                              |       |         |
| 72   | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng                                                                    | Người |         |
| 73   | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng                                                            | Người |         |
| 74   | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng                                                                       | Người |         |
| 74.1 | - <i>Khiển trách</i>                                                                                                                                                       | Người |         |
| 74.2 | - <i>Cảnh cáo</i>                                                                                                                                                          | Người |         |
| 74.3 | - <i>Cách chức</i>                                                                                                                                                         | Người |         |
|      | <b>XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>                                                                                                                     |       |         |
| 75   | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong | Vụ    |         |

| MS   | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                     | ĐVT            | SỐ LIỆU |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------|
|      | phạm vi quản lý trực tiếp)                                                                                                                                                                                   |                |         |
| 76   | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó: | Người          |         |
| 76.1 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng                                                                                                                                                           | Người          |         |
| 76.2 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng                                                                                                                                                              | Người          |         |
| 76.3 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng                                                                                                                                                          | Người          |         |
| 76.4 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng                                                                                                                                                     | Người          |         |
| 77   | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính                                                                                                                                                               | Vụ             |         |
| 78   | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng                                                                                                                            | Người          |         |
| 79   | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)                                                                                                                  | Vụ             |         |
| 80   | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)                                                                                                                | Người          |         |
|      | <b>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</b>                                                                                                                                  |                |         |
| 81   | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)                                                                                                                             | Triệu đồng     |         |
| 82   | Đất đai                                                                                                                                                                                                      | m <sup>2</sup> |         |
|      | <b>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</b>                                                                                                                           |                |         |
| 83   | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)                                                                                                                             | Triệu đồng     |         |
| 83.1 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính                                                                                                                                                             | Triệu          |         |
| 83.2 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp                                                                                                                                                                | Triệu          |         |

| MS   | NỘI DUNG                                                                                                                                                        | ĐVT            | SỐ LIỆU |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------|
| 84   | Đất đai                                                                                                                                                         | m <sup>2</sup> |         |
| 84.1 | <i>- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i>                                                                                                          | m <sup>2</sup> |         |
| 84.2 | <i>- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i>                                                                                                             | m <sup>2</sup> |         |
|      | <b>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</b>                                                                        |                |         |
| 85   | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)                                                                                | Triệu đồng     |         |
| 86   | Đất đai                                                                                                                                                         | m <sup>2</sup> |         |
|      | <b>PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)</b> |                |         |
| 87   | Tổng số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo                                                                              | Vụ             |         |
| 88   | Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo                                                                 | Người          |         |
| 89   | Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự                                                                                                  | Vụ             |         |
| 90   | Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự                                                                                                | Người          |         |
| 91   | Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính                                                                                               | Vụ             |         |
| 92   | Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật                                                                                                | Người          |         |
|      | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC</b>                                                                               |                |         |
| 93   | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm                                                      | Tổ chức        |         |

| MS  | NỘI DUNG                                                                                                                                                         | ĐVT        | SỐ LIỆU |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
|     | vi quản lý                                                                                                                                                       |            |         |
| 94  | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTNTC    | Tổ chức    |         |
| 95  | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTNTC                     | Tổ chức    |         |
| 96  | Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện                                                                               | Vụ         |         |
| 97  | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện                                                             | Người      |         |
| 98  | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự                                                        | Người      |         |
| 99  | Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |         |
| 100 | Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)     | Triệu đồng |         |

**Ghi chú:**

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu.
- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.
- Các địa phương chỉ dựa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn.



**DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ**

**Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 15/05/2025**

(Kèm theo Báo cáo số: *..A.Đ...* ngày 15 tháng 05 năm 2025  
của Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang)

| TT | Tên vụ               | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc | Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc | Tóm tắt nội dung vụ việc | Ghi chú |
|----|----------------------|---------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|---------|
| 1  | Không có<br><i>a</i> |                                             |                                    |                          |         |

Biểu số: 03/PCTN

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỎ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHƯNG (\*)****Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 15/05/2025***(Kèm theo Báo cáo số: .../... ngày 15 tháng 05 năm 2025  
của Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang)*

| TT       | Tên, số, ngày, tháng, năm | Cơ quan ban hành văn bản | Nội dung sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng | Kết quả khắc phục                 |                     |                                          | Ghi chú |
|----------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|------------------------------------------|---------|
|          |                           |                          |                                              | Đã được khắc phục theo thẩm quyền | Chưa khắc phục xong | Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong |         |
| MS       | 1                         | 2                        | 3                                            | 4                                 | 5                   | 6                                        | 7       |
| 1        | Không có                  |                          |                                              |                                   |                     |                                          |         |
|          |                           |                          |                                              |                                   |                     |                                          |         |
|          |                           |                          |                                              |                                   |                     |                                          |         |
| Tổng số: |                           |                          |                                              |                                   |                     |                                          |         |

**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

(\*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4), (5): Điền dấu "x"
- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "x" tại Cột (5)